

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/DS-ST
Ngày 05/8/2022
“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT – TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Tuấn Anh và bà Nguyễn Thị Ngọc Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà H Mi Chan Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2022/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 127/2022/QĐST-DS ngày 18/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

Địa chỉ: Đường N, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện khởi kiện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phạm Đình V. Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đ.

(Văn bản Ủy quyền số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Quang T - Chức vụ: Nhân viên kiểm soát rủi ro

(Văn bản ủy quyền số: 79a/2022/GUQ-CNĐL ngày 31/3/2022 của Giám đốc chi nhánh Đ). Vắng mặt.

(Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng V.

Địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Bà Võ Thị Mỹ L.

Địa chỉ: Đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
(Bà L có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt)
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn Nhất T.
Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
(Ông T có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Quang T trình bày:*

Ngày 21/3/2019, ông Nguyễn Trọng V và bà Võ Thị Mỹ L ký Hợp đồng tín dụng số LD1907700159 và phụ lục kèm theo với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh Đ vay số tiền 450.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất theo giấy nhận nợ là 10,5%/ năm. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 21/3/2020.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông V và bà L đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 196/19/TC/DL ngày 21/3/2019 là: 01 xe ô tô con sản xuất năm 2018 và đăng ký lần đầu ngày 28/02/2019; nhãn hiệu Huyndai, số khung 41BBJN007393, số máy G4FJJU371560, biển số 47A-219.64. Giấy tờ tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 048234 được Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/3/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông V bà L mới chỉ trả được cho Ngân hàng 49.407.500 đồng tiền lãi. Khoản nợ của ông V, bà L đã chuyển quá hạn từ ngày 22/03/2020.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V, bà L phải trả tổng số tiền nợ 629.386.008 đồng; trong đó: Nợ gốc 450.000.000 đồng; lãi trong hạn 120.273.290 đồng; lãi quá hạn 59.112.718 đồng (tạm tính đến ngày 04/8/2022) và tiếp tục trả lãi tính từ ngày 05/8/2022 đến khi trả hết nợ.

Nếu ông V, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Huyndai, biển số 47A-219.64 của ông V, bà L đã thế chấp trong Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 196/19/TC/DL ngày 21/3/2019 sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

- *Bị đơn, ông Nguyễn Trọng V trình bày:*

Ngày 21/3/2019, vợ chồng tôi là Nguyễn Trọng V và Võ Thị Mỹ L có ký Hợp đồng tín dụng số LD1907700159 và phụ lục kèm theo với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh Đ để vay số tiền 450.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất theo giấy nhận nợ là 10,5%/ năm. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 21/3/2020.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên thì vợ chồng tôi có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh Đ Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 196/19/TC/DL ngày 21/3/2019 để thế chấp tài sản là 01 xe ô tô con sản xuất năm

2018 và đăng ký lần đầu ngày 28/02/2019, Nhãn hiệu Hyundai, số khung 41BBJN007393, số máy G4FJJU371560, biển số 47A-219.64. Giấy tờ tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 048234 được Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/3/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng chúng tôi chưa thanh toán được cho Ngân hàng khoản tiền gốc vay nào, chỉ thanh toán được một số tháng tiền lãi.

Đến thời điểm tháng 10/2019, tôi không có nhu cầu sử dụng nữa nên đã bán xe lại cho anh Nguyễn Văn Nhất Th, đến ngày 20/5/2021 tôi, anh T và đại diện Ngân hàng là anh Nguyễn Quang H đã ký biên bản làm việc để anh T chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, nhưng đến nay không còn liên lạc được với anh T.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ trên thì tôi không có ý kiến gì về số nợ. Còn về phương án trả nợ, tôi xin được liên hệ với anh T để anh T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng hoặc anh T phải giao trả lại xe cho tôi để tôi bàn giao lại cho Ngân hàng bán trả nợ.

- Bị đơn, bà Võ Thị Mỹ L Trình bày:

Ngày 21/3/2019, vợ chồng tôi có ký Hợp đồng tín dụng số LD1907700159 và phụ lục kèm theo với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh Đ để vay số tiền 450.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất theo giấy nhận nợ là 10,5%/ năm. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 21/3/2020.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên thì vợ chồng tôi có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh Đ Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 196/19/TC/DL ngày 21/3/2019 để thế chấp tài sản là: 01 xe ô tô con sản xuất năm 2018 và đăng ký lần đầu ngày 28/02/2019, Nhãn hiệu Hyundai, số khung 41BBJN007393, số máy G4FJJU371560, biển số 47A-219.64. Giấy tờ tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 048234 được Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/3/2019.

Khoản nợ của chúng tôi đã chuyển quá hạn từ ngày 21/03/2020. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả nợ thì tôi đồng ý. Nếu vợ chồng tôi không trả được nợ thì đề nghị Ngân hàng xử lý chiếc xe để trả nợ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn Nhất T trình bày:

Năm 2021, tôi có quen biết và mua của ông Nguyễn Trọng V chiếc xe ô tô con biển số 47A-219.64 với giá 640.000.000 đồng. Tôi đã thanh toán cho ông V 190.000.000 đồng tại Ngân hàng T. Tuy nhiên, sau đó bà L đã không ký hợp đồng mua bán xe cho tôi. Tôi vẫn sử dụng chiếc xe, nhưng tôi đã cho bạn tôi mượn và không liên lạc được với bạn tôi nên tôi không biết hiện nay chiếc xe đang ở đâu.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật giữa Ngân hàng và ông V, bà L. Ngoài ra, giao dịch giữa tôi và ông V là thỏa thuận riêng nên tôi không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, người liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cố tình vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông V, bà L phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trên.

Nếu ông V, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai, biển số 47A-219.64 của ông V, bà L đã thế chấp trong Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 196/19/TC/DL ngày 21/3/2019 sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn, ông Nguyễn Trọng V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do; đồng bị đơn bà Võ Thị Mỹ L, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quang T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Nhất T vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc vay tiền giữa ông Nguyễn Trọng V, bà Võ Thị Mỹ L với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T là có thật. Được thể hiện bằng Hợp đồng tín dụng số LD1907700159 ngày 21/3/2019 và phụ lục kèm theo tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T. Theo đó, ông V, bà L vay số tiền 450.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất theo giấy nhận nợ là 10,5%/ năm; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/3/2020.

Hợp đồng tín dụng được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng số LD1907700159 ngày 21/3/2019 có hiệu lực pháp luật.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ, ông V, bà L đã ký Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 196/19/TC/DL ngày 21/3/2019 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T, để thế chấp tài sản là 01 xe ô tô biển số 47A-219.64, nhãn hiệu Hyundai, số khung 41BBJN007393, số máy G4FJJU371560; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 048234, do Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/3/2019, đứng tên Nguyễn Trọng V.

Hợp đồng thế chấp số 196/19/TC/DL ngày 21/3/2019 cũng được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, đồng thời đã được công chứng và đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hợp đồng thế chấp số 196/19/TC/DL ngày 21/3/2019 có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày vay đến nay, ông V, bà L mới chỉ trả được cho Ngân hàng 49.407.500 đồng tiền lãi. Hiện nay, ông V, bà L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền nợ là: 629.386.008 đồng; trong đó: Nợ gốc 450.000.000 đồng; lãi trong hạn 120.273.290 đồng; lãi quá hạn 59.112.718 đồng (tạm tính đến ngày 04/8/2022).

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của ông V, bà L đã vi phạm quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T buộc ông V, bà L phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trên và lãi suất phát sinh từ ngày 05/8/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại quy định tại Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự, cần chấp nhận.

- Sau khi ông V, bà L trả hết nợ, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T có nghĩa vụ trả lại cho ông V, bà L bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 048234, do Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/3/2019.

- Trong trường hợp ông V, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai, biển số 47A-219.64 của ông V, bà L đã thế chấp trong Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 196/19/TC/DL ngày 21/3/2019 sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

[4] Đối với giao dịch mua bán chiếc xe biển số 47A-219.64 giữa ông V và ông Nguyễn Văn Nhất T, đây là giao dịch riêng giữa ông V và ông T trong khi chiếc xe đang thế chấp cho Ngân hàng; đồng thời ông Thắng không có yêu cầu gì nên không đặt ra để xem xét.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Trọng V và bà Võ Thị Mỹ L phải chịu 29.175.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền 13.350.000 đồng tạm ứng án phí do ông Lê Văn G đã nộp thay theo biên lai thu số AA/2021/0009818 ngày 25/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 144; Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T. Buộc Nguyễn Trọng V và bà Võ Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T tổng tiền số nợ tạm tính đến ngày 04/8/2022 là: 629.386.008 đồng; trong đó: Nợ gốc 450.000.000 đồng; lãi trong hạn 120.273.290 đồng; lãi quá hạn 59.112.718 đồng. Tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 05/8/2022 cho đến khi ông V, bà L trả nợ xong theo quy định của hợp đồng tín dụng.

- Sau khi ông V, bà L trả hết nợ, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T có nghĩa vụ trả lại cho ông V, bà L bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 048234, do Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/3/2019.

- Trong trường hợp ông V, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai, biển số 47A-219.64 của ông V, bà L đã thế chấp trong Hợp đồng thế chấp phươg tiện vận tải số 196/19/TC/DL ngày 21/3/2019 sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

[2] Đối với giao dịch mua bán chiếc xe biển số 47A-219.64 giữa ông V và ông Nguyễn Văn Nhất T vào tháng 10/2019, đây là giao dịch riêng giữa ông V và ông T trong khi chiếc xe đang thế chấp cho Ngân hàng; đồng thời ông T không có yêu cầu gì nên không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Trọng V và bà Võ Thị Mỹ L phải chịu 29.175.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền 13.350.000 đồng tạm ứng án phí do ông Lê Văn G đã nộp thay theo biên lai thu số AA/2021/0009818 ngày 25/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền yêu cầu thi hành án, quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, Tp. BMT;
- THADS Tp. BMT;
- Dương sự.
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Đình Hải